

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21 -11-2019

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Thái Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Huỳnh Như Ý**.

2. Ông **Diệp Hồng Châu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Sa The** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông **Lý Út Hoài** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Ấp T, xã Thạnh Thới T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

**- Bị đơn:** Ông **Trần Văn Nhựt T**, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Ấp T, xã Thạnh Thới T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:**

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu đến năm 2006 bà Trần Thị N và ông Trần Văn Nhựt T tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn. Bà N ông T được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Thới T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 06/02/2006. Sau khi kết hôn, bà N ông T chung sống tại ấp T, xã Thạnh Thới T.

Sau kết hôn, bà N đã cố gắng vun vén, chăm lo cho gia đình, không ngại cực khổ để làm vì cuộc sống vợ chồng có thể thoải mái hơn. Nhưng ông T thì ham chơi hơn ham làm và bà N không khuyên bảo được. Lâu lâu khi nóng giận thì ông T còn đánh đập bà N nhiều lần. Bà N đã nhiều lần bỏ về nhà của cha mẹ ruột nhưng ông T đã đón về. Tuy nhiên ông T không sửa đổi tính tình. Hiện nay bà N và ông T vẫn ở chung một nhà. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã lên tới đỉnh điểm và không thể hàn gắn được. Quá trình chung sống, vợ chồng bà N ông T có hai người con chung tên Trần Nhật P, sinh ngày 23/3/2007 và Trần Nhật V, sinh ngày 23/5/2009. Hiện hai người con chung đang sống cùng vợ chồng bà N ông T. Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có.

Nay bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Nhật T.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung tên Trần Nhật P, sinh ngày 23/3/2007 và Trần Nhật V, sinh ngày 23/5/2009 đến khi thành niên và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông T.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung đối với ông T.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Trần Thị N đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Thới T cấp ngày 06/02/2006;

+ Giấy khai sinh mang tên Trần Nhật P và Trần Nhật V (bản sao chứng thực);

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Trần Nhật P, sinh ngày 23/3/2007 và Trần Nhật V, sinh ngày 23/5/2009 để xem xét nguyện vọng:**

+ Đối với cháu Trần Nhật P, sinh ngày 23/3/2007 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

+ Đối với cháu Trần Nhật V, sinh ngày 23/5/2009 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn Nhật T. Nhưng ông Trần Văn Nhật T thường xuyên không có mặt tại nhà nên có bà Đỗ Thị Nga là mẹ ruột ở cùng địa chỉ nhận thay. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của

Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Nhựt T; Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhựt P, sinh ngày 23/3/2007 và Trần Nhựt V, sinh ngày 23/5/2009 đến khi thành niên và bà N không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con chung. Bà N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Trần Thị N và ông Trần Văn Nhựt T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N cho vợ chồng bà N ông T ly hôn. Về con chung giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung đương sự xác định không có và nợ chung đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 27-5-2019, bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Trần Văn Nhựt T có nơi cư trú tại Ấp T, xã Thạnh Thới T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Trần Văn Nhựt T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị N:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1995 bà Trần Thị N và ông Trần Văn Nhựt T kết hôn theo phong tục truyền thống, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Thới T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01 ngày 06/02/2006. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị N và ông Trần Văn Nhựt T là hợp pháp.

[3.2] Theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà N: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N ông T sống tại: Ấp T, xã Thạnh Thới T. Sau kết hôn, bà N đã cố gắng vun vén, chăm lo cho gia đình, không ngại cực khổ để làm vì cuộc sống vợ chồng có thể thoải mái hơn. Nhưng ông T thì ham chơi hơn ham làm và bà N không khuyên bảo được. Lâu lâu khi nóng giận thì ông T còn đánh đập bà N nhiều lần. Bà N đã nhiều lần bỏ về nhà của cha mẹ ruột nhưng ông T đã đón về. Tuy nhiên ông T không sửa đổi tính tình. Hiện nay bà N và ông T vẫn ở chung một nhà. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã lên tới đỉnh điểm và không thể hàn gắn được. Hiện tại bà N và ông T vẫn ở chung gia đình, việc bà N yêu cầu ly hôn thì ông T hoàn toàn biết, nhưng không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét ông T không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà N đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã lên tới đỉnh điểm và không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông T. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà N ông T hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông T đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc ông T không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N cho bà N được ly hôn với ông Trần Văn Nhựt T.

[3.3] Về con chung: Theo nội dung các giấy khai sinh và lời trình bày của bà Trần Thị N xác định vợ chồng bà N ông T có hai người con chung hiện đang ở cùng gia đình với bà N ông T. Nên có cơ sở xác định vợ chồng bà N ông T có hai người con chung tên: Trần Nhựt P, sinh ngày 23/3/2007 và Trần Nhựt V, sinh ngày 23/5/2009 bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhựt P, sinh ngày 23/3/2007 và Trần Nhựt V, sinh ngày 23/5/2009 đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy rằng cháu Trần Nhựt P và Trần Nhựt V đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N giao cháu Trần Nhựt P và Trần Nhựt V cho bà Trần Thị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

[3.4] Về cấp dưỡng: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng do ông T là người không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở. Do bà Trần Thị N xác định không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không

đặt ra xem xét. Nhưng ông T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị N xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị N xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Trần Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Trần Văn Nhựt T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Trần Văn Nhựt T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Trần Văn Nhựt T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị N ông Trần Văn Nhựt T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Thới T cấp ngày 06/02/2006 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Trần Nhật P, sinh ngày 23/3/2007 và Trần Nhật V, sinh ngày 23/5/2009 (hiện nay Trần Nhật P và Trần Nhật V đang sống chung với bà N ông T) cho Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Trần Văn Nhật T không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Trần Văn Nhật T mà không ai được cản trở. Ông Trần Văn Nhật T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Trần Thị N.

3/ Về tài sản chung: Bà Trần Thị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trần Thị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí

Bà Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Trần Văn Nhật T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- UBND xã Thạnh Thới T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thái Ngọc**